

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST

Ngày 16 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Việt Hưng

Ông Hà Thanh Oai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tuấn và Bà Nông Thị Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

HOÀNG THỊ N (Tên gọi khác: Không có); Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1973 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Q và bà Đinh Thị T; chồng: Bế Đình H, có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không - Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị N là ông Sầm Đức T, sinh năm 1977; Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.*

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 1984; Trú tại: Tiểu khu Đ, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Đức B, sinh năm 1973; Trú tại: Khu 2, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra đối với vụ Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 1984, trú tại thôn Đ, xã V (nay là Tiểu khu Đ, thị trấn V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn và vụ án Nguyễn Đức B, sinh năm 1973, trú tại Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cùng bị truy tố, xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, xác định Hoàng Thị N, sinh năm 1973, trú tại thôn N, xã T, huyện N - Hiệu trưởng Trường Mầm non T (được bổ nhiệm kể từ ngày 01/11/2015 và bổ nhiệm lại ngày 01/11/2020), từ năm 2018 đến năm 2021, Hoàng Thị N đã mua trái phép 10 hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo để làm chứng từ thanh quyết toán kinh phí với nhà nước, cụ thể như sau:

1. Hoàng Thị N trực tiếp mua trái phép 08 (tám) hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo với Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L:

- Mua hóa đơn bán hàng số 0092231 ghi ngày 20/3/2019; họ tên người mua hàng: Đinh Thị N; tên đơn vị: Trường Mầm non T; tên hàng hóa dịch vụ: Phòng rèm cửa lớp học; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 12.706.400 đ (*mười hai triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, bốn trăm đồng*). Do N tự mua vải về may cung cấp cho trường nhưng không có hóa đơn để thanh toán kinh phí nên thỏa thuận mua hóa đơn với bà L, giá mua bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để thanh quyết toán khoản kinh phí lắp phong, rèm cửa cho các lớp học (có danh sách lớp học) năm học 2018-2019.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0092232 ghi ngày 20/3/2019; tên người mua hàng: Không ghi; tên đơn vị: UBND xã T; tên hàng hóa dịch vụ: Vải dùng làm khăn trải bàn, chất liệu vải thun đỏ đô, kích thước dài 2,2m, rộng 0,50m, số lượng 8 bàn; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 1.408.000 đ (*một triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng*). Trong năm 2019, bà Đinh Thị H - Cán bộ Văn phòng UBND xã T, huyện N liên hệ với N đặt mua 08 khăn trải bàn, chất liệu vải thun đỏ kích thước 2,2m x 0,50m x 8 bàn và yêu cầu N cung cấp hóa đơn để thanh toán kinh phí với Nhà nước, N đồng ý. Do N tự mua vải về cắt may khăn trải bàn cung cấp cho UBND xã T, không có hóa đơn nên thỏa thuận mua hóa đơn với bà L, giá mua bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để cung cấp hóa đơn cho Đinh Thị H theo yêu cầu.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0092233 ghi ngày 22/3/2019; họ tên người mua hàng: Không ghi; tên đơn vị: Trường Mầm non T; tên hàng hóa dịch vụ: Phong, rèm phòng hội đồng, chất liệu vải nhung xanh: kích thước cao 3,45m,

rộng 5,6m; Vải khăn trải bàn chất liệu thun màu đỏ đô: kích thước dài 2,2m, rộng 0,5m x 6 bàn; sao vàng, búa liềm; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 4.416.000 đ (*bốn triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng*). Trong năm 2019, Trường mầm non T có chuyển phòng hội đồng nên thống nhất lắp phong, rèm cửa phòng hội đồng, một số khăn trải bàn, sao vàng và búa liềm, N mua vải về tự cắt may, mua sao vàng, búa liềm để cung cấp cho trường nhưng không có hóa đơn để thanh toán kinh phí nên đã thỏa thuận mua hoá đơn với bà L, giá mua bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn để thanh quyết toán khoản kinh phí may phong rèm của nhà trường.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0087563 ghi ngày 18/9/2019; họ tên người mua hàng: Bé Thị T; tên đơn vị: Trường PTDTBT THCS T; tên hàng hóa dịch vụ: Phong rèm sân khấu chất liệu nhung xanh rêu kích thước cao 3,8m x rộng 9m = 34,2m; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 6.156.000 đ (*sáu triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Trong khoảng tháng 9/2019, bà Vy Thị H - Phó Hiệu trưởng Trường PTDTBT THCS T, huyện N liên hệ với N đặt mua phong, rèm sân khấu và yêu cầu phải có hóa đơn, N đồng ý và trực tiếp đo kích thước phong, rèm và tự mua vải về may cung cấp cho Trường PTDTBT THCS T, nên thỏa thuận mua hóa đơn với bà L, giá mua bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để cung cấp bà Bé Thị T theo yêu cầu.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0087552 ghi ngày 20/11/2019; họ tên người mua hàng: Cam Thị H; tên đơn vị: Trường Mầm non C; tên hàng hóa dịch vụ: Phong sân khấu chất liệu vải nhung màu xanh rêu kích thước cao 3,6m x rộng 7m = 34,2m; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 5.540.000 đ (*năm triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong khoảng tháng 11/2019, bà Chu Thị H - Phó Hiệu trưởng Trường mầm non C, huyện N liên hệ với N đặt làm phong rèm sân khấu và yêu cầu cung cấp hóa đơn để thanh toán, N đồng ý và đi mua vải về tự cắt may phong cung cấp cho Trường Mầm non C, do không có hóa đơn nên thỏa thuận mua hóa đơn với bà L, giá mua bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để cung cấp Trường Mầm non C thanh quyết toán khoản tiền trên.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0015611 ghi ngày 31/12/2020; họ tên người mua hàng: Hà Thị H; tên đơn vị: Trường Mầm non T; tên hàng hóa dịch vụ: Vải rèm chất liệu gấm chống nắng và thanh đỡ rèm (có bảng kê kèm theo); tổng số tiền ghi trên hóa đơn 15.422.600 đ (*mười năm triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm đồng*). Trong năm 2020, do nhu cầu cần lắp rèm, thanh đỡ chống nắng cho lớp học trường chính và phân trường, N nhận làm và đi mua vải về tự cắt, may rèm, thanh đỡ rèm để cung cấp cho trường nhưng không có hóa đơn để thanh toán kinh phí nên thỏa thuận mua hoá đơn với bà L, giá mua bằng 7% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để thanh quyết toán khoản tiền nêu trên.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0092224 ghi ngày 27/12/2018; họ tên người mua hàng: Hoàng Văn T; tên đơn vị: Trường Mầm non T; tên hàng hóa dịch vụ: Mái tôn, gạch ốp + gạch nền, cửa nhôm kính, bột xôm nhà vệ sinh, ống nhựa Tiền Phong, van khóa vòi nước, ống nối, xi măng PC30, công thợ; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 12.275.000đ (*mười hai triệu, hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng*), cụ thể: Trong năm 2018, Trường Mầm non T có thuê ông Chu Văn C, trú tại Khu C, xã T, huyện N cung cấp vật liệu, sửa chữa, lắp đặt nhà vệ sinh cho trường nhưng ông C không có hoá đơn để thanh toán kinh phí với Nhà nước, nên N thỏa thuận mua hoá đơn với bà L, giá mua bằng 5% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để thanh, quyết toán kinh phí với Nhà nước khoản tiền trên.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0087565 ghi ngày 02/12/2019; họ tên người mua hàng: Nguyễn Thu H; tên đơn vị: Trường Mầm non T; tên hàng hóa dịch vụ: Thiết bị nóng lạnh (có bảng kê kèm theo); tổng số tiền ghi trên hóa đơn 5.150.000đ (*năm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*). Khoảng tháng 9, 10/2019 do nhu cầu của Trường chính cần lắp đặt nóng lạnh phục vụ sinh hoạt của học sinh bán trú, Hội đồng nhà trường họp thống nhất giao cho bà Nguyễn Thu H đề xuất lắp đặt, sau đó liên hệ thuê ông Lương Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn Đ, xã V, huyện N cung cấp, lắp đặt thiết bị nóng lạnh, nhưng ông không T có hóa đơn, nên N thỏa thuận mua hoá đơn với bà L, giá mua bằng 5% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để thanh quyết toán khoản kinh phí trên.

2. Hoàng Thị N mua 02 (hai) hóa đơn bán hàng của Hộ kinh doanh Nguyễn Đức B, địa chỉ Khu 2, xã V, huyện N:

- Mua hóa đơn bán hàng số 0017791 ghi ngày 14/9/2021, người mua hàng Nguyễn Thu H; tên đơn vị Trường Mầm non T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; tên hàng hóa, dịch vụ: Rèm cửa điểm trường N; Rèm cửa điểm trường P; Rèm cửa điểm trường S; Rèm cửa nhóm trẻ trường chính; Rèm cửa lớp mẫu giáo bé trường chính; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 15.517.500đ (*mười năm triệu, năm trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng*) để thanh toán kinh phí với Nhà nước đối với khoản lắp rèm cửa cho trường chính và các điểm trường N, P, S năm 2021, N nhận làm và tự mua vải về may để cung cấp cho trường nhưng không có hóa đơn, nên N thỏa thuận mua với B 01 hoá đơn với giá mua bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để làm chứng từ thanh quyết toán kinh phí.

- Mua hóa đơn bán hàng số 0080371 ghi ngày 23/12/2021, người mua hàng Hoàng Thị Thanh L; tên đơn vị Trường Mầm non T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; tên hàng hóa, dịch vụ: Cát; sỏi; xi măng La Hiên; nhân công đổ bê tông; gạch Hạ Long lát nền; nhân công lát gạch men; tổng số tiền ghi trên hóa đơn 43.910.000 đ (*bốn mươi ba triệu, chín trăm mười nghìn đồng*), cụ thể: Khoảng tháng 8/2021 nhà trường sửa chữa sân khu nhà mái tôn, trong quá trình sửa chữa có mua các loại vật liệu cát, sỏi, xi măng, gạch lát N (không nhớ họ tên, địa chỉ

ở đâu) và thuê ông Đào Xuân N, địa chỉ thôn N, xã T, huyện N thi công, sau khi hoàn thành công trình do không có hóa đơn làm thủ tục thanh toán với Nhà nước, nên N thỏa thuận mua 01 hoá đơn với B, với giá mua bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, để thanh quyết toán khoản kinh phí sửa chữa sân trường.

Hoàng Thị N sau khi mua trái phép 10 số hóa đơn đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L và Hộ kinh doanh Nguyễn Đức B với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 122.501.500 đồng (*một trăm hai mươi hai triệu, năm trăm linh một nghìn, năm trăm đồng*), số tiền mua hóa đơn là 10.009.430 đồng (*mười triệu, không trăm linh chín nghìn, bốn trăm ba mươi đồng*) trên tổng số tiền ghi trên hóa đơn. Mục đích hợp thức chứng từ thanh, quyết toán kinh phí với Nhà nước, để thanh toán các khoản chi phí may rèm, vật liệu xây dựng và chi phí nhân công sửa chữa của trường, qua điều tra xác định là đúng thực tế, N không được hưởng lợi khoản tiền nào.

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKSBK - P1 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Hoàng Thị N về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự;

Điều luật 203 có nội dung:

“1. Người nào ..., mua bán trái phép hóa đơn, ... đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số ..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm...”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên đồng thời đề nghị hướng xử lý như sau:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị N phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính: Phạt tiền bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng

Về vật chứng và án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật là đúng, không oan,

bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Người bào chữa nhất trí với tội danh, loại hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí nhưng đề nghị áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng và người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, do đó có đủ cơ sở khẳng định:

Bị cáo Hoàng Thị N - Hiệu trưởng Trường Mầm non T (được bổ nhiệm kể từ ngày 01/11/2015 và bổ nhiệm lại ngày 01/11/2020), từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 12 năm 2021, bị cáo Hoàng Thị N đã mua trái phép 10 số hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, trong đó mua 08 hóa đơn với Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 1984, trú tại: Thôn Đ, xã V (nay là Tiểu khu Đ, thị trấn V), huyện N và mua 02 hóa đơn với Nguyễn Đức B, sinh năm 1973, trú tại: Khu 2, thị trấn V, huyện N, rồi cung cấp cho Trường Mầm non T, Ủy ban nhân dân xã T, Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở T, Trường Mầm non C để hợp thức chứng từ thanh, quyết toán kinh phí với Nhà nước, tổng số tiền ghi trên 10 hóa đơn là 122.501.500 đồng (*một trăm hai mươi hai triệu, năm trăm linh một nghìn, năm trăm đồng*), tổng số tiền mua hóa đơn là 10.009.430 đồng (*mười triệu, không trăm linh chín nghìn bốn trăm ba mươi đồng*) trong tổng số tiền ghi trên 10 số hóa đơn. Số tiền trên các đơn vị sử dụng thanh quyết toán kinh phí và chi các khoản chi đúng thực tế, sử dụng đúng mục đích, Hoàng Thị N không được hưởng lợi khoản tiền nào.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ, có hiểu biết, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn

cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử đối với bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo Hoàng Thị N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính tiền tệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó cần thiết phải có một hình phạt phù hợp với hành vi của bị cáo gây ra để nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Thị N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. “Phạm tội lần đầu và trong trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, **trong quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2001 và năm học 2006-2007 do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại** điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Cục Thi hành án hình sự tỉnh Bắc Kạn để khắc phục hậu quả. Ngoài ra bị cáo có **có bố đẻ là ông Hoàng Văn Q được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; có bố chồng là ông Bế Đình T được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; có ông nội là ông Hoàng Văn P được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tặng bằng có công với nước và có bác ruột Hoàng Văn Đ là liệt sĩ được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Giấy chứng nhận tổ quốc ghi công; Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền nam Việt Nam tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba; Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng ba** do đó được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét toàn diện vụ án thấy rằng, hiện nay chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền để nhằm thu lại khoản tiền bị cáo đã gây thất thoát cho Nhà nước, cụ thể tại khoản 1 và khoản 2 của Điều 203 Bộ luật hình sự về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” đều có quy định phạt tiền là hình phạt chính. Bên cạnh đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự thể hiện ở việc trước lần phạm tội này bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, số tiền trên các đơn vị sử dụng thanh quyết toán kinh phí và chi các khoản chi

đúng thực tế, sử dụng đúng mục đích, bị cáo Hoàng Thị N không được hưởng lợi khoản tiền nào.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành án hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Do vậy cần phạt tiền đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thấy: Việc áp dụng loại hình phạt tiền đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Đồng thời bị cáo có việc làm, thu nhập ổn định đủ khả năng để thi hành phạt tiền trong mức quy định của Điều 203 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Xét về vật chứng:

* Lưu vào hồ sơ vụ án bao gồm các tài liệu sau:

- 08 tờ liên 2 hóa đơn bán hàng, gồm: Số 0092224 ghi ngày 27/12/2018, số 0092231 ghi ngày 20/3/2019, số 0092232 ghi ngày 20/3/2019, số 0092233 ghi ngày 22/3/2019, số 0087563 ghi ngày 18/9/2019, số 0087552 ghi ngày 20/11/2019, số 0087565 ghi ngày 02/12/2019, số 0015611 ghi ngày 31/12/2020 của Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cùng tài liệu kèm theo.

- 02 tờ liên 2 hóa đơn bán hàng, gồm: Số 0017791 ghi ngày 14/9/2021, số 0080371 ghi ngày 23/12/2021 của Hộ kinh doanh Nguyễn Đức B, địa chỉ Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cùng tài liệu kèm theo.

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản sao y bản chính hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Trong vụ án còn có:

- Đối với Bà Hoàng Thị Thanh L, chủ Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ: Tiểu Khu Đ, thị trấn V, huyện N; ông Nguyễn Đức B, chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Đức B, địa chỉ: Tiểu Khu 2, thị trấn v, huyện N. Cơ quan điều tra đã khởi tố, kết thúc điều tra (trong đó cơ quan thuế đã xác định nghĩa vụ thuế đối với 10 số hóa đơn N mua bán trái phép), Viện kiểm sát đã truy tố, Tòa án đã

xét xử Hoàng Thị Thanh L và Nguyễn Đức B về tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định của pháp luật.

- Đối với UBND xã T, Trường Mầm non T, Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở T, Trường Mầm non C cùng thuộc huyện N, tỉnh Bắc Kạn và các cá nhân liên quan đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ và đề nghị xử lý trong vụ án Hoàng Thị Thanh L và vụ án Nguyễn Đức B về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” nên không xem xét đề nghị xử lý trong vụ án này là đúng quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã T, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị N phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Lưu vào hồ sơ vụ án các vật chứng bao gồm:

- 08 (Tám) tờ liên 2 hóa đơn bán hàng, gồm: Số 0092224 ghi ngày 27/12/2018; số 0092231 ghi ngày 20/3/2019; số 0092232 ghi ngày 20/3/2019; số 0092233 ghi ngày 22/3/2019; số 0087563 ghi ngày 18/9/2019; số 0087552 ghi ngày 20/11/2019; số 0087565 ghi ngày 02/12/2019; số 0015611 ghi ngày 31/12/2020 của Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cùng tài liệu kèm theo.

- 02 (Hai) tờ liên 2 hóa đơn bán hàng, gồm: Số 0017791 ghi ngày 14/9/2021; số 0080371 ghi ngày 23/12/2021 của Hộ kinh doanh Nguyễn Đức B, địa chỉ Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cùng tài liệu kèm theo.

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản sao y bản chính hiện đang được lưu theo hồ sơ vụ án.

2.2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bị cáo Hoàng Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000320 ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

3. Án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Thị N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Cảnh sát kinh tế - CA tỉnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS - CA tỉnh;
- Bị cáo, người bào chữa, đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Doanh

